

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/DS-ST

Ngày: 19/4/2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Đến

Bà Trần Thị Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiên Thị Minh Hiếu là thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
tham gia phiên tòa: Ông Cao Minh Dương - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 58/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXX-ST ngày 01 tháng 4 năm 2019 giữa:

1/ Nguyên đơn: Ông Huỳnh Ngọc Kh, sinh năm 1956

Địa chỉ: Số 48, Điện Biên Phủ, khóm A, phường B, thành phố TV, tỉnh TV

Người đại diện hợp pháp của ông Huỳnh Ngọc Kh là ông Thạch Văn T, sinh năm 1988; **địa chỉ: Số 32, Lư C, xã A, huyện Trà C, tỉnh TV** theo văn bản ủy quyền ngày 02/3/2019. (Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt)

2/ Bị đơn:

Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1960

Bà Sơn Thị Ngọc A, sinh năm 1959

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Văn Đ là bà Sơn Thị Ngọc A, sinh năm 1959 theo văn bản ủy quyền đề ngày 05/3/2019. (bà A có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Ba SB, xã Lương H, huyện Châu Th, tỉnh TV

3/ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Sơn Thị Ngọc A là bà Trần Thị Đ là Luật sư cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh TV (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc Kh và lời khai của ông Thạch văn T trong quá trình **giải** quyết vụ án cụ thể như sau:** Vào ngày 18/01/2012, ông Huỳnh Ngọc Kh có cho ông Trần Văn Đ và vợ là bà Sơn Thị Ngọc A vay số tiền là 100.000.000 đồng, với lãi suất là 4%/tháng. Để đảm bảo tiền vay nên bà A, ông Đ đã đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đối với thửa 807) cho ông Kh giữ để làm tin. Giữa hai bên không có làm biên nhận tiền mà có lập tờ giao kèo mua bán đất, nhưng thực tế là không có mua bán đất, mục đích lập tờ giao kèo này để chứng minh ông Đ, bà A có vay tiền của ông Kh, không có thỏa thuận thời hạn trả tiền. Trong thời gian vay bà A, ông Đ có đóng lãi cho ông Kh tổng cộng là 99.300.000 đồng. Số tiền này đã đóng lãi cho ông Kh xong nên ông Kh không yêu cầu tính lãi lại.

Nay ông Huỳnh Ngọc Kh yêu cầu ông Trần Văn Đ, bà Sơn Thị Ngọc A cùng trả cho ông Huỳnh Ngọc Kh số tiền gốc đã vay là 100.000.000 đồng, ông Kh không yêu cầu ông Đ và bà A trả lãi tiếp.

*** Bị đơn bà Sơn Thị Ngọc A **cũng là** đại diện cho **bị đơn** ông Trần Văn Đ trình bày:**

Bà thừa nhận vào ngày 18/01/2012 vợ chồng bà có vay ông Huỳnh Ngọc Kh số tiền 100.000.000 đồng để làm ăn với lãi suất là 4%/tháng, thỏa thuận đóng lãi và trả dần khi nào trả hết thì thôi. Khi vay ông bà có đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 807 cho ông Huỳnh Ngọc Kh làm tin. Ông bà đã đóng cho ông Kh với số tiền tổng cộng là 99.300.000 đồng. Trong số tiền này có 36.000.000 đồng là tiền lãi và 63.300.000 đồng là tiền nợ gốc, ông bà trả dần cho ông Kh. Nhưng do ông Kh không thừa nhận số tiền trên là tiền gốc nên ông bà thống nhất đây là tiền lãi mà ông bà đã đóng cho ông Kh là 99.300.000 đồng (chín mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng). Tuy nhiên do lãi suất ông Kh lấy là quá cao và ông bà đã đóng quá tiền lãi cho Kh, nên nay ông bà có yêu cầu Tòa án tính lãi lại đối với số tiền lãi mà ông bà đã đóng cho ông Kh theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định trong khoản thời gian ông bà đã đóng lãi cho ông Kh. Sau khi tính lãi lại, số tiền ông bà đóng thừa hàng tháng sẽ được trừ vào nợ gốc, còn lại nợ gốc bao nhiêu thì ông bà đồng ý trả cho ông Kh, ông bà đồng ý trả tiền lãi theo đơn khởi kiện mà ông Kh đã yêu cầu là 07 tháng theo lãi suất cơ bản mà Ngân hàng Nhà Nước quy định. Về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 807 mà vợ chồng đã giao cho ông Kh giữ làm tin, nay ông bà không có yêu cầu nhận lại giấy chứng nhận này.

Quan điểm của người **bảo** vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Sơn Thị Ngọc A: Thống nhất ông Đ, bà A có vay của ông Kh 100.000.000đồng là đúng. Tuy nhiên ông Đ, bà A đã đóng lãi cho ông Kh 99.300.000đồng tương ứng với phần lãi suất là 4%/tháng là quá cao so với quy định pháp luật và theo yêu cầu của bị đơn là xin Hội đồng xét xử xem xét tính lại phần lãi mà ông Đ, bà A đã đóng trên theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà Nước quy định, phần còn thừa đồng ý trừ vào phần nợ gốc. Do trong đơn khởi kiện ông Kh chỉ yêu cầu ông Đ, bà A trả tiền lãi 07 tháng, trong quá trình giải quyết vụ án ông Kh không yêu cầu ông Đ, bà A trả lãi. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bà A **cũng là** đại diện cho ông Đ tự nguyện trả cho Khả tiền lãi 07 tháng theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà Nước quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này. Riêng đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông Đ, bà A đã giao cho ông Kh, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận khi nào bà A, ông Đ trả hết nợ cho ông Kh, thì ông Kh phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa hôm nay đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý đến thời điểm này nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 75 và 76 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với việc giải quyết vụ án: Hai bên đương sự ông Đ, bà A và ông Kh thống nhất vào năm 2012 ông Đ, bà A có vay của ông Kh số tiền 100.000.000đồng, lãi suất 4%/tháng, số tiền lãi đã **đóng** là 99.300.000đồng là có thật. Do lãi suất quá cao nên bà A, ông Đ có yêu cầu tính lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà Nước công bố. Xét thấy lãi suất thỏa thuận trên là vượt quy định pháp luật, nên cần phải tính lại, đề nghị Hội đồng xét xử tính lại phần lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà Nước công bố cho phù hợp, phần còn thừa được trừ vào tiền nợ gốc. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Kh không yêu cầu tính lãi, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, bà A **cũng là** đại diện cho ông Đ tự nguyện trả tiền lãi tiếp tục cho ông Kh 07 tháng theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà Nước công bố, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

Về thời gian vay tiền, số tiền vay, mức lãi suất và số tiền lãi bên bà A, ông Đ đã đóng cho ông Kh là 99.300.000đồng hai bên đều thống nhất phù hợp chứng cứ, lời khai của các đương sự có trong hồ sơ vụ án nên không cần phải chứng minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc Kh khởi kiện yêu cầu bà Sơn Thị Ngọc A và ông Trần Văn Đ trú tại ấp Ba Se B, xã Lương Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh phải trả số tiền vay là 100.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là “tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của **nguyên đơn** ông Huỳnh Ngọc Kh là ông Thạch Văn T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Thạch Văn T và ông Huỳnh Ngọc Kh.

[3] Về nội dung vụ án:

Vào ngày 18/01/2012 ông Huỳnh Ngọc Kh có cho ông Trần Văn Đ và bà Sơn Thị Ngọc A vay 100.000.000đồng, không có thỏa thuận thời hạn trả nợ, lãi suất thỏa thuận là 4%/tháng. Việc cho vay này là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm đạo đức, không trái quy định pháp luật, nên việc ông Kh cho ông Đ, bà A vay 100.000.000đồng là hợp pháp. Tuy nhiên về phần lãi suất hai bên thỏa thuận là 4%/tháng là trái quy định pháp luật. Theo quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 lãi suất do hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà Nước công bố đối với loại vay tương ứng. Tại thời điểm năm 2012 lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố là 09%/năm tương ứng 0,75%/tháng. Do đó việc thỏa thuận lãi suất giữa ông Huỳnh Ngọc Kh với ông Trần Văn Đ, bà Sơn Thị Ngọc A là trái quy định pháp luật bị vô hiệu, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận phần thỏa thuận lãi suất này của hai bên.

Do hai bên không thỏa thuận thời hạn trả nợ, nên phía ông Kh khi cần thu hồi số tiền này đã đến nhà yêu cầu ông Đ, bà A trả nợ nhưng ông Đ, bà A không có khả năng thực hiện nghĩa vụ này, nên đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Huỳnh Ngọc Kh. Nên việc ông Kh khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà A trả tiền vay là đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Kh và ông Đ, bà A có thống nhất tiền lãi đã đóng là 99.300.000đồng với lãi suất là 4%/tháng. Bị đơn cho rằng lãi suất như vậy là quá cao, nên có yêu cầu tính lãi lại, Tòa án có giải thích cho các đương sự biết các quy định pháp luật có liên quan đến phần lãi suất nhưng bà A, ông Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu tính lãi lại theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà Nước quy định, ông Kh và người đại diện của ông không đồng ý tính lại phần lãi đã nhận. Tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó hai bên không thỏa thuận được về phần lãi suất, Hội đồng xét xử xem xét như sau:

Xét yêu cầu của ông Trần Văn Đ và bà Sơn Thị Ngọc A về việc yêu cầu tính lại phần lãi mà vợ chồng ông bà đã đóng cho ông Huỳnh Ngọc Kh 99.300.000đồng tương đương 4%/tháng là trái quy định pháp luật như nhận định trên. Đây là giao dịch dân sự mà các bên xác lập và thực hiện vào năm 2012 và theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày

11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định đối với hợp đồng được xác lập trước ngày 01/01/2017, hợp đồng này đang được thực hiện mà tính lãi, lãi suất không phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 thì áp dụng quy định của bộ luật dân sự năm 2005 và các văn bản hướng dẫn áp dụng của Bộ luật này để áp dụng giải quyết vụ án. Tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: “1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng; 2. Trong trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ”.

Theo quy định tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm, tương đương 0,75%/tháng và 0,025%/ngày. Nền yêu cầu trên của ông Đ và bà A Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận. Việc tính lại phần lãi được thực hiện như sau:

Vào ngày 18/01/2012 khi vừa vay 100.000.000đồng thì phía ông Đ, bà A đã đưa lại cho ông Kh 4.000.000đồng nên nợ gốc còn lại là 96.000.000 đồng.

BẢNG TÍNH LÃI LẠI THEO LÃI SUẤT CƠ BẢN (9,0%/năm)

STT	Từ ngày	Tổng ngày	Mức lãi suất (0.025%)	Tiền gốc	Tiền lãi	Tiền bị đơn đóng	Tiền đóng trừ lãi	Tiền gốc còn lại
0	1	2	3	4	5=3*4	6	7=6-5	8=4-7
1	18/01/2012	-	-	100,000,000	-	4,000,000	4,000,000	96,000,000
2	18/01/2012 đến 21/3/2012	65	0.00025	96,000,000	1,560,00	4,000,000	2,440,000	93,560,000
3	22/3/2012 đến 23/4/2012	33	0.00025	93,560,000	771,870	4,000,000	3,228,130	90,331,870
4	24/4/2012 đến 18/5/2012	25	0.00025	90,331,870	564,574	4,000,000	3,435,426	86,896,444
5	19/5/2012 đến 21/6/2012	34	0.00025	86,896,444	738,620	4,000,000	3,261,380	83,635,064
6	22/6/2012- 19/7/2012	28	0.00025	83,635,064	585,445	4,000,000	3,414,555	80,220,509
7	20/7/2012 đến 28/8/2012	40	0.00025	80,220,509	802,205	4,000,000	3,197,795	77,022,715
8	29/8/2012 đến 16/10/2012	49	0.00025	77,022,715	943,528	4,000,000	3,056,472	73,966,243

9	17/10/2012 đến 14/12/2012	59	0.00025	73,966,243	1,091,002	4,000,000	2,908,998	71,057,245
10	15/12/2012 đến 17/01/2013	34	0.00025	71,057,245	603,987	4,000,000	3,396,013	67,661,231
11	18/01/2013 đến 11/3/2013	53	0.00025	67,661,231	896,511	4,000,000	3,103,489	64,557,743
12	12/3/2013- 13/4/2013	33	0.00025	64,557,743	532,601	4,000,000	3,467,399	61,090,344
13	14/4/2013 đến 12/5/2013	29	0.00025	61,090,344	442,905	4,000,000	3,557,095	57,533,249
14	13/5/2013 đến 16/6/2013	35	0.00025	57,533,249	503,416	3,000,000	2,496,584	55,036,665
15	17/6/2013 đến 24/7/2013	38	0.00025	55,036,665	522,848	4,000,000	3,477,152	51,559,513
16	25/7/2013 đến 20/8/2013	27	0.00025	51,559,513	348,027	3,500,000	3,151,973	48,407,540
17	21/8/2013 đến 22/10/2013	63	0.00025	48,407,540	762,419	4,000,000	3,237,581	45,169,959
18	23/10/2013 đến 27/11/2013	36	0.00025	45,169,959	406,530	4,000,000	3,593,470	41,576,488
19	28/11/2013 đến 23/12/2013	26	0.00025	41,576,488	270,247	3,500,000	3,229,753	38,346,736
20	24/12/2013 đến 27/01/2014	35	0.00025	38,346,736	335,534	4,000,000	3,664,466	34,682,270
21	28/01/2014 đến 15/02/2014	19	0.00025	34,682,270	164,741	3,500,000	3,335,259	31,347,010
22	16/02/2014 đến 17/5/2014	91	0.00025	31,347,010	713,144	4,000,000	3,286,856	28,060,155
23	18/5/2014- 18/6/2014	32	0.00025	28,060,155	224,481	4,000,000	3,775,519	24,284,636
24	19/6/2014 đến 17/7/2014	29	0.00025	24,284,636	176,064	3,000,000	2,823,936	21,460,700
25	18/7/2014 đến 19/11/2014	125	0.00025	21,460,700	670,647	4,000,000	3,329,353	18,131,347
26	19/11/2014- 26/01/2015	69	0.00025	18,131,347	312,766	3,000,000	2,687,234	15,444,112

27	27/01/2015 đến 31/5/2015	125	0.00025	15,444,112	482,629	1,500,000	1,017,371	14,426,741
----	--------------------------------	-----	---------	------------	---------	-----------	-----------	-------------------

Như vậy số tiền gốc bà A, ông Đ còn nợ lại ông Huỳnh Ngọc Kh là 14.426.741 đồng (Mười bốn triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm bốn mươi một đồng).

Đối với yêu cầu của ông Huỳnh Ngọc Kh yêu cầu ông Trần Văn Đ và bà Sơn Thị Ngọc A phải trả 100.000.000 đồng nợ gốc và không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của ông Kh, bởi theo quy định pháp luật và phân tích trên của Hội đồng xét xử thì ông Trần Văn Đ và bà Sơn Thị Ngọc A chỉ còn nợ ông Huỳnh Ngọc Kh số tiền nợ gốc là 14.426.741 đồng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Ngọc Kh đối với ông Trần Văn Đ và bà Sơn Thị Ngọc A. Ông Huỳnh Ngọc Kh không yêu cầu ông Đ, bà A tiếp tục trả lãi nên Hội đồng xét xử không xét đến. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bà A đại diện cho ông Đ tự nguyện trả lãi tiếp cho ông Kh 07 tháng theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà Nước công bố, sự tự nguyện này không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà Sơn Thị Ngọc A và ông Trần Văn Đ trả cho ông Huỳnh Ngọc Kh tiền lãi 07 tháng theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà Nước công bố là 0,75%/tháng. Tiền lãi = 07 tháng x 14.426.741 đồng x 0,75%/tháng = 757.403 đồng (Bảy trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm lẻ ba đồng).

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Sơn Thị Ngọc A phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử và quy định pháp luật nên được chấp nhận. Tuy nhiên phần đề nghị của vị Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận vào trong Bản án việc buộc ông Kh phải trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ, bà A sau khi ông Đ, bà A thực hiện nghĩa vụ trả nợ xong là không có căn cứ chấp nhận, bởi vì các bên đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Ông Trần Văn Đ và bà Sơn Thị Ngọc A thuộc diện hộ nghèo, ông Huỳnh Ngọc Kh thuộc diện người cao tuổi và cả hai bên có đơn xin miễn án phí nên được Hội đồng xét xử chấp nhận miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm sơ thẩm. Do đó ông Trần Văn Đ, bà Sơn Thị Ngọc A, ông Huỳnh Ngọc Kh được miễn toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

Áp dụng Nghị quyết số Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Ngọc Kh về việc yêu cầu ông Trần Văn Đ và bà Sơn Thị Ngọc A trả 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng)

2/ Buộc ông Trần Văn Đ và bà Sơn Thị Ngọc A trả cho ông Huỳnh Ngọc Kh nợ gốc là 14.426.741 đồng (Mười bốn triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm bốn mươi một đồng). Ông Huỳnh Ngọc Kh không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Buộc ông Trần Văn Đ và bà Sơn Thị Ngọc A trả cho ông Huỳnh Ngọc Kh số tiền lãi tự nguyện trả là 757.403 đồng (Bảy trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm lẻ ba đồng).

Như vậy tổng cộng nợ gốc và tiền lãi ông Trần Văn Đ và bà Sơn Thị Ngọc A phải trả cho ông Huỳnh Ngọc Kh là 15.184.144đồng (Mười lăm triệu một trăm tám mươi bốn nghìn một trăm bốn mươi bốn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Ngọc Kh đối với ông Trần Văn Đ và bà Sơn Thị Ngọc A với số tiền nợ gốc chênh lệch là 85.815.856 đồng (Tám mươi lăm triệu tám trăm mười lăm nghìn tám trăm năm mươi sáu nghìn).

4/ Về án phí: Ông Huỳnh Ngọc Kh, ông Trần Văn Đ và bà Sơn Thị Ngọc A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Huỳnh Ngọc Kh số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.780.000 đồng (Hai triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001787 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phú Hiệp